


BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH
Tháng 3/2024

| Stt | Nội dung | Tồn trước | Thu | Chi | Tồn |
|-----|--|----------------|---------------|---------------|----------------|
| I | Ngân sách nhà nước | 21.803.800.745 | 0 | 867.405.035 | 20.936.395.710 |
| A | Nguồn thường xuyên | 8.222.770.306 | 0 | 721.111.702 | 7.501.658.604 |
| 1 | Chi thường xuyên | 8.222.770.306 | | 721.111.702 | 7.501.658.604 |
| 2 | Nguồn CCTL | 0 | | | 0 |
| 3 | Nguồn chi NQ03 | 0 | | | 0 |
| B | Nguồn CCTL(14) | 8.113.252.716 | | 146.293.333 | 7.966.959.383 |
| C | Nguồn không thường xuyên | 5.467.777.723 | - | - | 5.467.777.723 |
| | - Tiền GV ĐẠY HS HOA NHẬP | 0 | | | 0 |
| | - Tiền trợ cấp TET UB | 0 | | | 0 |
| | Nguồn CCTL cấp bù HP NQ25, Cấp bù hộ nghèo, b2 | 0 | | | 0 |
| | Chi lương và hoạt động 2023 | 0 | | 0 | 0 |
| II | Thu phí, lệ phí | 0 | | | 0 |
| 1 | Học phí | 0 | | | 0 |
| III | Thu thỏa thuận - Thu SN khác | 3.177.691.636 | 1.294.401.824 | 1.512.023.502 | 2.960.811.770 |
| 1 | Học Anh văn bán ngữ | 19.262.261 | 304.947.500 | 150.540.500 | 173.669.261 |
| 2 | Cần tin | 624.634.451 | 30.000.000 | - | 654.634.451 |
| 3 | Giữ xe | 59.401.700 | 6.050.000 | 2.860.800 | 62.590.900 |
| 4 | Học Kỹ năng sống | 211.104.404 | 154.560.000 | 196.178.040 | 169.486.364 |
| 5 | Thu học phí | 739.447.488 | 1.020.000 | 63.913.434 | 676.554.054 |
| 6 | Thu phục vụ bán trú | 139.905.965 | 247.775.000 | 325.001.314 | 62.679.651 |
| 7 | Thu CSVN bán trú | 72.857.675 | 170.000 | - | 73.027.675 |
| 8 | Thu học buổi 2 | 181.973.718 | 338.385.000 | 468.458.500 | 51.900.218 |
| 9 | Thu tăng cường ngoại ngữ | 24.470.038 | 45.961.000 | 67.028.250 | 3.402.788 |
| 10 | Thu nghề phổ thông | 9.160.734 | - | - | 9.160.734 |
| 11 | Thu vệ sinh phí bán trú | 71.287.597 | 28.590.000 | 15.425.019 | 84.452.578 |
| 12 | Thu khác | 20.103.992 | - | - | 20.103.992 |
| 13 | Thu BHYT Trích lại | 207.817.439 | - | - | 207.817.439 |
| 14 | Thu BHYT Trích lại | 200.100 | - | - | 200.100 |
| 15 | Thu BHYT Trích lại | 199.809.322 | 135.200.000 | 222.617.645 | 112.391.677 |
| 16 | Thu BHYT Trích lại | 575.854.752 | 800.000 | - | 576.654.752 |
| 17 | Tin học IC3 | 20.400.000 | - | - | 20.400.000 |
| 19 | Thu học vi tính | 0 | - | - | - |
| 20 | Thu học Lab | 0 | - | - | - |
| 21 | Thu ôn lớp 9 | 0 | - | - | - |
| 22 | Thu lãi ngân hàng | 741.812 | 943.324 | - | 1.685.136 |
| 23 | Thu sự nghiệp khác | 0 | - | - | - |
| IV | Thu hộ - chi hộ | 625.531.154 | 1.086.258.180 | 668.460.299 | 1.043.329.035 |
| 1 | Tiền ăn bán trú | 444.473.139 | 1.025.576.000 | 626.720.971 | 843.328.168 |
| 2 | Tiền nước uống bán trú | -52.680 | 18.609.500 | 12.668.400 | 5.888.420 |
| 3 | Tiền in ấn đề kiểm tra | 23.910 | - | - | 23.910 |
| 4 | Tiền Bảo hiểm y tế | 20.282.996 | - | - | 20.282.996 |
| 5 | Tiền Bảo hiểm tai nạn | 19.086.700 | - | - | 19.086.700 |
| 6 | Tiền Anh văn trả trợ giảng | 16.800.000 | 7.050.000 | 12.600.000 | 11.250.000 |
| 7 | Tiền khác | 55.211.748 | 22.957.680 | 9.510.928 | 68.658.500 |
| 8 | Tiền ăn phẩm | 233 | - | - | 233 |
| 9 | Tiền kỹ năng sống | 31.260.000 | - | - | 31.260.000 |
| 10 | Tiền ký năng sống | 1.740.000 | 10.320.000 | 6.960.000 | 5.100.000 |
| 11 | Tiền Kỹ năng sống trả trợ giảng | 3.760.000 | 840.000 | - | 4.600.000 |
| 12 | Tiền K12 TK online | 3.900.000 | 500.000 | - | 4.400.000 |
| 13 | TH IC3 | 4.471.000 | - | - | 4.471.000 |
| 14 | AV TỊCH HỢP | 3.354.000 | - | - | 3.354.000 |
| 15 | Tiền điện | 1.911.708 | - | - | 1.911.708 |
| 16 | Thu tiền học phạm | 17.825.900 | 300.000 | - | 18.125.900 |
| 17 | Thu tiền khám sức khỏe hs | 682.500 | 105.000 | - | 787.500 |
| 18 | Tiền trông giữ xe học sinh | 800.000 | - | - | 800.000 |
| V | Các quỹ | 2.293.710.128 | 0 | 62.336.000 | 2.231.374.128 |
| 1 | Quỹ K.thưởng | 282.548.650 | | | 282.548.650 |
| 2 | Quỹ phúc lợi | 948.276.524 | | 62.336.000 | 885.940.524 |
| 3 | Quỹ dự phòng | 147.404.990 | | | 147.404.990 |
| 4 | Quỹ ĐTPT | 915.479.964 | | | 915.479.964 |
| | Tổng cộng (I)+(II)+(III)+(IV)+(V) | 27.900.733.663 | 2.380.660.004 | 3.110.224.836 | 27.171.910.643 |

Lập bảng

Dương Quỳnh Trang

Gò Vấp, ngày 01 tháng 4 năm 2024
TRƯỜNG
TRUNG HỌC CƠ SỞ
LY TỰ TRỌNG
Vũ Mai Hương
HỌ TÊN